



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Hướng dẫn kê khai thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101020003	Đặng Phương	Anh	31/01/2005	KD11A	01		6,5	157	Anh	
2	000002	1101020913	Đỗ Vũ Quỳnh	Anh	23/11/2005	KD11A	01		10	156	Anh	
3	000003	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD11A	01		8,5	155	Anh	
4	000004	1101020018	Nguyễn Nhật	Anh	26/08/2005	KD11A	01		7,5	154	Anh	
5	000005	1101020023	Nguyễn Thị Lan	Anh	11/01/2005	KD11A	01		7,5	153	Lan	
6	000006	1101020044	Phạm Thanh	Bình	19/01/2005	KD11A	01		8,0	152	Bình	HP
7	000007	1101020050	Đỗ Quyết	Chiến	15/06/2005	KD11A	01		9,0	151	Chiến	
8	000008	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	01		9,0	150	Chinh	
9	000009	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	01		6,5	149	Đức	173
10	000010	1101020069	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/01/2003	KD11A	01		8,5	148	Dương	
11	000011	1101020944	Lê Thị	Duyên	05/04/2005	KD11A	01		6,0	149	Duyên	
12	000012	1101020081	Cao Thị Thu	Hà	08/02/2005	KD11A	01		7,0	160	Hà	
13	000013	1101020393	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11A	01		10	161	Hà	
14	000014	1101020086	Tô Thu	Hà	18/03/2005	KD11A	01		8,5	165	Hà	
15	000015	1101020953	Mai Thị Thanh	Hằng	06/02/2005	KD11A	01		9,0	164	Hằng	
16	000016	1101020095	Phan Thị	Hiển	05/10/2005	KD11A	01		8,0	162	Hiển	
17	000017	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	01		6,0	168	Hoa	
18	000018	1101021358	Hoàng Phi	Hùng	17/07/2003	KD11A	01		10	167	Hùng	
19	000019	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	01		5,5	166	Hương	
20	000020	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	01		9,0	173	Hương	
21	000021	1101020115	Phùng Thị	Hường	07/05/2005	KD11A	01		8,5	170	Hường	
22	000022	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	01		9,5	171	Huyền	
23	000023	0810211730	Nguyễn Văn	Khải	18/10/2002	KD11A	01		9,5	163	Khải	
24	000024	1101020587	Nguyễn Thị Quỳnh Liên		12/09/2005	KD11A	01		8,0	174	Liên	
25	000025	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	01		8,0	175	Linh	
26	000026	1101020986	Nguyễn Thị Khánh Linh		23/04/2005	KD11A	01		5,5	176	Linh	
27	000027	1101020158	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	26/01/2005	KD11A	01		7,5	177	Linh	
28	000028	1101021381	Phạm Thùy	Linh	03/10/2005	KD11A	01		9,0	169	Linh	
29	000029	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	KD11A	01		10	172	Loan	

Tổng số sinh viên dự thi: *29*...

Tổng số tờ giấy thi: *29*...

Tổng số biên bản: *0*...

Ngày *31* tháng *12* Năm *2025*

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Liên
Bùi Thị Liên Đặng Thị Liên



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Hướng dẫn kê khai thuế

Mã đề Số máy

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000030	1101020621	Đỗ Thị Tuyết	Mai	26/11/2005	KD11A	01		10	179	Mai	40
2	000031	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	01		7,0	150	My	02
3	000032	1101021006	Phạm Thị	Ngân	15/08/2003	KD11A	01		10	151	Ngân	03
4	000033	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	01		10	152	Ngọc	04
5	000034	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	01		9,5	153	Ngọc	06
6	000035	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	01		8,5	177	Oai	32
7	000036	1101020244	Thái Minh	Quân	09/02/2005	KD11A	01		7,0	154	Quân	08
8	000037	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	01		10	155	Quỳnh	
9	000038	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	01		7,0	156	Tâm	15
10	000039	1101020266	Nguyễn Phương	Thảo	11/02/2005	KD11A	01		9,5	157	Thảo	14
11	000040	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	01		10	158	Thư	13
12	000041	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	01		8,0	159	Thư	12
13	000042	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	01		10	160	Thúy	11
14	000043	1101021050	Đào Huyền	Trang	03/06/2005	KD11A	01		10	161	Trang	01
15	000044	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	01		2,0	162	Trang	9
16	000045	1101020303	Nguyễn Thị Hà	Trang	28/10/2005	KD11A	01		10	163	Trang	10
17	000046	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	01		4,5	164	Trang	18
18	000047	1101021059	Phường Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	01		6,5	165	Trang	19
19	000048	1101021063	Nguyễn Duy	Tuân	03/05/2005	KD11A	01		7,5	179	Tuân	34
20	000049	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	01		10	166	Tuyền	20
21	000050	1101020322	Nguyễn Thái	Vân	07/12/2005	KD11A	01		10	167	Vân	21
22	000051	1101021070	Ngô Hải	Yến	04/01/2005	KD11A	01		9,5	168	Yến	22
23	000052	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	01		8,0	169	Giang	23
24	000053	0810211204	Nguyễn Trần Thiên	Sơn	26/07/2002	KD8D	01		7,0	174	Sơn	26
25	000054	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	02		5,0	170	Anh	35
26	000055	1101021260	Dương Phương	Anh	10/12/2005	KD11B	02		9,5	178	Anh	39
27	000056	1101021343	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/09/2005	KD11B	02	1	7,5	173	Anh	27
28	000057	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD11B	02		9,0	172	Anh	28
29	000058	1101020027	Phạm Lan	Anh	16/04/2005	KD11B	02		9,0	171	Anh	32
30	000059	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	02		5,5	176	Anh	33

Tổng số sinh viên dự thi: 30.....

Tổng số tờ giấy thi: 30..

Tổng số biên bản: 0..

Ngày 31 tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Liên Hoàng Thị Mai



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Hướng dẫn kê khai thuế

Mã đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000060	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD11B	02		6,0	150	<i>Ánh</i>	
2	000061	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	02		9,5	171	<i>Bích</i>	
3	000062	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	02		6,5	168	<i>Diễm</i>	
4	000063	1101020065	Nguyễn Hữu	Đức	29/06/2005	KD11B	02		8,0	151	<i>Đức</i>	
5	000064	1101020070	Ninh Thị Thùy	Dương	25/05/2005	KD11B	02		10	154	<i>Dương</i>	
6	000065	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05/12/2005	KD11B	02		6,0	152	<i>Phạm Thị Thùy</i>	
7	000066	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	02		7,5	153	<i>Giang</i>	
8	000067	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	02		8,0	157	<i>Giang</i>	
9	000068	1101020080	Vũ Thị	Giang	23/05/2005	KD11B	02		6,5	159	<i>Giang</i>	
10	000069	1101020087	Trần Thu	Hà	14/05/2005	KD11B	02		9,5	160	<i>Hà</i>	
11	000070	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	02		9,0	158	<i>Hoa</i>	
12	000071	1101020562	Phùng Tuấn	Hùng	01/06/2005	KD11B	02		7,0	180	<i>Hùng</i>	
13	000072	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	02		6,5	161	<i>Hương</i>	
14	000073	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	02		6,5	162	<i>Thanh</i>	
15	000074	1101021281	Nguyễn Thị Minh	Huyền	21/05/2005	KD11B	02		10	166	<i>Huyền</i>	
16	000075	1101020132	Đỗ Ngọc	Lan	03/08/2005	KD11B	02		6,0	156	<i>Lan</i>	
17	000076	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	02		9,5	165	<i>Liên</i>	
18	000077	1101020149	Lương Thị Ngọc	Linh	22/08/2005	KD11B	02		9,5	167	<i>Linh</i>	
19	000078	1101020984	Nguyễn Khánh	Linh	20/03/2005	KD11B	02		7,0	164	<i>Khánh</i>	
20	000079	1101020160	Nguyễn Thùy	Linh	17/12/2005	KD11B	02		6,5	163	<i>Linh</i>	
21	000080	1101020171	Nguyễn Thị Phương	Loan	03/07/2005	KD11B	02		10	155	<i>Loan</i>	
22	000081	1101021337	Phùng Thị Hải	Ly	24/03/2005	KD11B	02		10	172	<i>Ly</i>	
23	000082	1101021336	Bùi Thanh	Mai	16/02/2005	KD11B	02		10	169	<i>Mai</i>	
24	000083	1101021349	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/2005	KD11B	02		8,0	170	<i>Mai</i>	
25	000084	1101020185	Nguyễn Tuyết	Mai	10/12/2005	KD11B	02		9,5	173	<i>Mai</i>	
26	000085	1101021000	Phạm Phương	Nam	08/11/2005	KD11B	02		6,5	174	<i>Nam</i>	
27	000086	1101020202	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	26/06/2005	KD11B	02		7,0	176	<i>Ngát</i>	
28	000087	1101020413	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	19/03/2005	KD11B	02		9,5	177	<i>Ngọc</i>	
29	000088	1001021556	Chu Yến	Nhi	04/08/2004	KD11B	02		8,0	178	<i>Nhi</i>	
30	000089	1101020878	Đỗ Trang	Nhung	10/06/2005	KD11B	02		8,5	175	<i>Trang</i>	

Tổng số sinh viên dự thi:.....*30*.....

Tổng số tờ giấy thi:.....*30*.....

Tổng số biên bản:.....*0*.....

Ngày ..*31*.. tháng ..*12*.. Năm ..*2025*.. *2*

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Chau
Đào Thị Sơn

AT
Đỗ Thị Quỳnh Anh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Hướng dẫn kê khai thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000090	1101020226	Nguyễn Cẩm	Nhung	02/11/2005	KD11B	02		mười	189	Nhung	
2	000091	1101020667	Lê Thanh	Phúc	03/05/2005	KD11B	02		9,0	181	Phúc	
3	000092	1101020232	Bùi Thu	Phuong	12/06/2005	KD11B	02		9,0	200	Phuong	
4	000093	1101020241	Trần Thị Hoài	Phuong	28/07/2005	KD11B	02		7,0	190	Phuong	
5	000094	1101020251	Nguyễn Như	Quỳnh	02/05/2005	KD11B	02		8,0	182	Quỳnh	
6	000095	1101020256	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/09/2005	KD11B	02					HP, ĐK
7	000096	1101021033	Hoàng Thị Phương	Thảo	29/05/2005	KD11B	02		8,0	183	Thảo	
8	000097	1101021396	Nguyễn Thị	Thảo	03/02/2005	KD11B	02		9,0	201	Thảo	
9	000098	1101020271	Vũ Thị Ngọc	Thu	19/10/2005	KD11B	02		7,5	203	Thu	
10	000099	1101020278	Phạm Thị Minh	Thư	24/04/2005	KD11B	02					ĐK
11	000100	1101020285	Lê Thị Phương	Thùy	14/03/2005	KD11B	02		9,5	195	Thùy	
12	000101	1101020290	Lê Thị Thuý	Tinh	23/10/2005	KD11B	02		mười	185	Tinh	
13	000102	1101020300	Nguyễn Quỳnh	Trang	10/03/2005	KD11B	02		mười	196	Trang	
14	000103	1101020305	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/2005	KD11B	02		9,0	184	Trang	
15	000104	1101020309	Trần Huyền	Trang	15/08/2005	KD11B	02		mười	198	Trang	
16	000105	1101020315	Nguyễn Việt	Tuấn	20/01/2005	KD11B	02		8,0	186	Tuấn	
17	000106	1101021066	Phạm Ngọc	Vi	04/10/2004	KD11B	02		9,5	197	Vi	
18	000107	1101020748	Nguyễn Quang	Vinh	13/03/2004	KD11B	02		9,0	187	Vinh	
19	000108	1101020331	Bùi Thị	Yến	11/01/2005	KD11B	02		mười	199	Yến	
20	000109	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD11C	03		7,5	207	An	
21	000110	1101021258	Đặng Trần Tuấn	Anh	20/01/2005	KD11C	03		mười	191	Anh	
22	000111	1101020013	Hoàng Thị Lan	Anh	24/09/2005	KD11C	03		mười	192	Anh	
23	000112	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	15/06/2005	KD11C	03		mười	208	Q. Anh	
24	000113	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	03		9,0	204	H. Anh	
25	000114	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	03		9,0	193	Anh	
26	000115	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	03		6,0	206	Anh	
27	000116	1101020034	Vũ Thị Hồng	Anh	10/09/2005	KD11C	03		mười	188	Anh	
28	000117	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/04/2005	KD11C	03		9,0	205	Ánh	
29	000118	1101020039	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/05/2005	KD11C	03		6,0	202	Ánh	
30	000119	1101020041	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2005	KD11C	03		mười	194	Ánh	

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi: 28

Tổng số biên bản: 4

Ngày 31... tháng 12... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Bùi Thị Yến Đặng Thị Hiền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Hướng dẫn kê khai thuế

Mã đề

Số máy

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000120	1101021413	Đặng Thị Linh	Chi	04/01/2005	KD11C	03		8,0	205	Chi	33
2	000121	1101020054	Nguyễn Thị Anh	Đào	02/01/2005	KD11C	03		6,5	181	Đào	02
3	000122	1101020066	Nguyễn Thanh	Dung	31/12/2005	KD11C	03		6,0	210	Dung	01
4	000123	1101020941	Trịnh Công	Dương	23/11/2005	KD11C	03		6,0	182	Dương	03
5	000124	1101020075	Đào Thị Hương	Giang	21/07/2005	KD11C	03		6,5	207	Giang	40
6	000125	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	03		9,5	209	Hà	19
7	000126	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	03		6,0	208	Hải	39
8	000127	1101021452	Nguyễn Hồng	Hạnh	05/11/2004	KD11C	03		8,0	183	Hạnh	04
9	000128	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	03		7,0	184	Hòa	06
10	000129	1101021342	Nguyễn Thanh	Hoài	19/08/2005	KD11C	03		9,5	185	Hoài	08
11	000130	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	03		7,5	204	Hương	34
12	000131	1101020126	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	13/04/2005	KD11C	03		8,0	187	Huyền	16
13	000132	1101020593	Đoàn Phương	Linh	09/10/2005	KD11C	03		6,0	186	Linh	15
14	000133	1101020146	Lê Nguyễn Thùy	Linh	23/09/2005	KD11C	03		Mười	203	Linh	09
15	000134	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	03		7,5	188	Linh	14
16	000135	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	03		8,0	189	Linh	
17	000136	1101020165	Vũ Hà	Linh	30/07/2005	KD11C	03		8,0	191	Linh	12
18	000137	1101020173	Trương Thị	Luyến	20/10/2005	KD11C	03		6,5	190	Luyến	11
19	000138	1101020199	Lê Hồng	Ngân	11/07/2005	KD11C	03		6,0	192	Ngân	10
20	000139	1101020203	Bùi Thị	Ngọc	15/09/2005	KD11C	03		7,5	193	Ngọc	17
21	000140	1101020208	Phạm Ánh	Ngọc	25/11/2005	KD11C	03		7,5	194	Ngọc	18
22	000141	1001021034	Dương Hoàng	Nhi	14/12/2003	KD11C	03		6,5	201	Nhi	27
23	000142	1101020216	Kiều Yến	Nhi	24/10/2005	KD11C	03		Mười	195	Nhi	21
24	000143	1101021016	Nguyễn Hồng	Nhung	29/05/2005	KD11C	03		6,5	196	Nhung	22
25	000144	1101021022	Chu Lan	Phương	05/07/2005	KD11C	03		7,5	197	Phương	08
26	000145	1101021024	Trịnh Thu	Phương	08/11/2005	KD11C	03		Mười	198	Phương	24
27	000146	1101020252	Nguyễn Thị	Quỳnh	29/04/2005	KD11C	03		6,0	206	Quỳnh	38
28	000147	1101020259	Bùi Thị Phương	Thanh	23/11/2005	KD11C	03		8,0	199	Thanh	20
29	000148	1101021034	Hoàng Thị Thu	Thảo	04/11/2005	KD11C	03		9,0	202	Thảo	26
30	000149	1101020706	Cầm Văn	Thủ	25/01/2005	KD11C	03		8,0	200	Thủ	28

Tổng số sinh viên dự thi: 30.....

Tổng số tờ giấy thi: 30.....

ông số biên bản: 02.....

Ngày 31 tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Liên Hoàng Thị Mận



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Hướng dẫn kê khai thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000150	1101020279	Lều Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	03		8,0	191	Thức	
2	000151	1101020286	Trần Phương	Thùy	20/01/2005	KD11C	03		6,5	186	Thùy	
3	000152	1101020902	Đinh Thị Yến	Trang	29/01/2005	KD11C	03		9,0	182	Trang	
4	000153	1101020301	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/10/2005	KD11C	03		10	203	Trang	
5	000154	1101020310	Trần Thị Huyền	Trang	30/08/2005	KD11C	03		8,0	187	Trang	
6	000155	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD11C	03					
7	000156	1101021067	Phạm Đức	Việt	22/08/2005	KD11C	03		9,0	190	Việt	
8	000157	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	03		9,0	188	Vy	
9	000158	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	03					HP, ĐK
10	000159	1101020005	Đào Ngọc	Anh	22/07/2005	KD11D	04		8,0	201	Anh	
11	000160	1101020012	Đồng Mai	Anh	01/05/2003	KD11D	04		10	200	Anh	
12	000161	1101020015	Ngô Hoàng	Anh	16/10/2005	KD11D	04		10	183	Hoàng	
13	000162	1101020024	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30/01/2005	KD11D	04		10	204	Anh	
14	000163	1101020030	Trần Diệu	Anh	15/01/2005	KD11D	04		7,5	208	Anh	
15	000164	1101020035	Vũ Thị Phương	Anh	16/07/2005	KD11D	04		2,5	199	Anh	
16	000165	1101021328	Trần Quốc Việt	Bách	01/09/2002	KD11D	04		8,0	181	Bách	
17	000166	1101020511	Lộc Thành	Đạt	13/09/2005	KD11D	04		10	189	Đạt	
18	000167	1101020067	Đào Thị Thùy	Dương	22/12/2005	KD11D	04		10	208	Dương	
19	000168	1101021346	Đặng Ngọc	Duy	11/11/2004	KD11D	04					HP, ĐK
20	000169	1101020076	Phạm Thị Hương	Giang	10/02/2005	KD11D	04		10	205	Giang	
21	000170	1101021339	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11D	04		10	193	Hà	
22	000171	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	KD11D	04		9,5	194	Hà	
23	000172	1101020089	Trần Minh	Hải	12/10/2005	KD11D	04		10	184	Hải	
24	000173	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	04		9,5	198	Hằng	
25	000174	1101021182	Nguyễn Như	Hanh	17/11/2005	KD11D	04		8,0	192	Hanh	
26	000175	1101020096	Đinh Thúy	Hiền	21/05/2005	KD11D	04		10	197	Hiền	
27	000176	1101020959	Bùi Công	Hiếu	08/04/2005	KD11D	04		10	196	Hiếu	
28	000177	1101021443	Phạm Đức	Hiếu	02/08/2000	KD11D	04		10	202	Hiếu	
29	000178	1101020962	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/04/2005	KD11D	04		10	195	Hoa	
30	000179	1101020108	Đinh Thúy	Hồng	05/11/2005	KD11D	04		10	185	Hồng	

Tổng số sinh viên dự thi: 27
Tổng số tờ giấy thi: 27
Tổng số biên bản: 2

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Hương
Đỗ Thị Quỳnh Anh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Hướng dẫn kê khai thuế

Đã đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000180	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	01		9,0	211	Hiền	1
2	000181	1101021329	Phạm Thu	Hường	18/08/2000	KD11D	04		8,5	212	Huỳnh	02
3	000182	1101020117	Đỗ Thị Khánh	Huyền	23/09/2005	KD11D	04		8,0	213	Huỳnh	03
4	000183	1101020121	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/04/2005	KD11D	04		9,5	214	Huỳnh	04
5	000184	1101021330	Nguyễn Thu	Huyền	01/10/2005	KD11D	04		9,0	215	Huỳnh	05
6	000185	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	04		8,5	216	Lan	06
7	000186	1101020141	Đặng Mạnh	Linh	11/07/2005	KD11D	04		9,0	217	Linh.	07
8	000187	1101020145	Hoàng Thị Thùy	Linh	11/12/2005	KD11D	04		8,0	218	linh	08
9	000188	1101020155	Nguyễn Thị Diệu	Linh	21/08/2005	KD11D	04		7,5	219	Đặng	09
10	000189	1101020167	Vũ Quang	Linh	29/07/2005	KD11D	04		8,0	220	Linh	10
11	000190	1101020178	Trần Thị Vân	Ly	10/10/2005	KD11D	04		9,0	221	ly	12
12	000191	1101020181	Đặng Ngọc	Mai	11/07/2005	KD11D	04		8,0	222	Đ	13.
13	000192	1101020189	Trần Vũ Hồng	Minh	04/12/2005	KD11D	04		8,5	223	Minh.	14.
14	000193	1101020190	Vũ Thị Nguyệt	Minh	11/10/2005	KD11D	04		9,0	224	Minh	15
15	000194	1101021437	Đỗ Thị Thục	Mỹ	15/04/2005	KD11D	04		8,0	225	Mỹ	16
16	000195	1101020196	Lê Thị	Nga	23/09/2005	KD11D	04		9,0	226	Nga	25
17	000196	1101021011	Hoàng Thị Huyền	Ngọc	24/07/2005	KD11D	04		8,0	227	Ngọc	20
18	000197	1101020209	Nguyễn Đình	Nguyên	08/09/2005	KD11D	04		8,0	228	Nguyễn	22
19	000198	1101020217	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	KD11D	04		8,0	229	Nhi	23
20	000199	1101020224	Nguyễn Thị	Như Ý	14/07/2005	KD11D	04		8,0	230	Ý	24
21	000200	1101021017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	KD11D	04		9,5	231	Nhung	27
22	000201	1101020235	Lê Thị Thu	Phương	14/03/2005	KD11D	04		8,5	232	Phương	34
23	000202	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	04		8,5	233	Quỳnh	38
24	000203	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	04		8,5	232	Quỳnh	11
25	000204	1101021032	Đào Thị	Thanh	22/08/2005	KD11D	04		8,0	233	Thanh	38
26	000205	1101020263	Lê Thị	Thảo	17/10/2005	KD11D	04		8,0	234	thảo	30
27	000206	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	04		8,0	235	Thảo	31
28	000207	1101021393	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	KD11D	04		9,5	240	Phu?	37
29	000208	1101020281	Nguyễn Hoài	Thương	28/07/2005	KD11D	04		8,0	239	Thương	36
30	000209	1101020287	Đặng Thanh	Thủy	04/08/2005	KD11D	04		9,0	238	thủy	35

Tổng số sinh viên dự thi: ... *20* ...

Tổng số tờ giấy thi: ... *20* ...

Tổng số biên bản: ... *2* ...

Ngày ... tháng ... / 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm T. T. Hương

Phạm Văn Toan



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Hướng dẫn kê khai thuế

Mai đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000210	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	KD11D	04		mười	211	Trang	
2	000211	1101020302	Nguyễn Quỳnh	Trang	31/07/2005	KD11D	04					HP,ĐK
3	000212	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	04		9,0	212	Triển	
4	000213	1101021065	Phùng Phương	Uyên	01/01/2005	KD11D	04		6,0	213	Uyên	
5	000214	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	04		8,5	214	Vinh	
6	000215	1101021410	Đặng Thị	Yến	06/02/2003	KD11D	04		6,0	215	Yến	
7	000216	1101020333	Nguyễn Hải	Yến	29/06/2005	KD11D	04		6,0	216	Yến	
8	000217	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	05		7,0	217	Anh	
9	000218	1101020008	Đỗ Thị Mai	Anh	08/10/2005	KD11E	05		mười	218	Anh	
10	000219	1101020016	Nguyễn Diệp	Anh	17/09/2005	KD11E	05		9,0	219	Anh	
11	000220	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	05		mười	220	Anh	
12	000221	1101020025	Nguyễn Văn	Anh	01/12/2005	KD11E	05		mười	221	Anh	
13	000222	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	05		5,0	222	Anh	
14	000223	1101020925	Lê Minh	Ánh	07/05/2005	KD11E	05		9,0	223	Ánh	
15	000224	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	05		mười	224	Anh	
16	000225	1101020043	Nguyễn Thanh	Bình	02/12/2005	KD11E	05		mười	225	Bình	
17	000226	1101020053	Phùng Ngọc	Chúc	05/07/2005	KD11E	05		9,0	226	Chúc	
18	000227	1001021433	Đinh Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	05					HP,ĐK
19	000228	1101020059	Vương Thị	Diễn	19/08/2005	KD11E	05		mười	227	Diễn	
20	000229	1101020061	Nguyễn Thị	Diệp	17/03/2005	KD11E	05		mười	228	Diệp	
21	000230	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	05					ĐK
22	000231	1101020072	Phạm Hải	Duy	22/11/2005	KD11E	05		8,0	229	Duy	
23	000232	1101020074	Đặng Trà	Giang	15/03/2005	KD11E	05		mười	230	Giang	
24	000233	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	05		mười	231	Hà	
25	000234	1101020090	Lê Nguyễn Minh	Hằng	01/10/2005	KD11E	05		9,0	232	Hằng	
26	000235	1101020957	Nguyễn Thị	Hào	16/07/2005	KD11E	05		mười	233	Hào	
27	000236	1101020103	Đặng Thị	Hoàn	26/10/2004	KD11E	05		mười	234	Hoàn	
28	000237	1101020970	Nguyễn Thị	Hương	25/10/2005	KD11E	05		9,0	235	Hương	
29	000238	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	05		mười	236	Hường	
30	000239	1101020122	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/04/2005	KD11E	05		9,0	237	Huyền	

Tổng số sinh viên dự thi: ... 27 ...

Tổng số tờ giấy thi: ... 27 ...

Tổng số biên bản: ... 0 ...

Ngày 24... tháng 12... Năm ... 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Đặng Thị Hồng Phụng Đặng Thị Phụng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Hướng dẫn kê khai thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000240	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	05		7,0	220	Chính	
2	000241	1101020976	Vũ Ngọc	Khánh	13/10/2005	KD11E	05		9,0	211	Khánh	
3	000242	1101020138	Vũ Thị	Lan	28/02/2005	KD11E	05		9,0	212	Lan	
4	000243	1101020979	Cà Nhật Minh Ái	Lê	01/08/2005	KD11E	05		8,0	214	Lê	
5	000244	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	05		7,5	213	Linh	
✓ 6	000245	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	05		miền	233	Linh	
7	000246	1101020989	Vũ Thị Diệu	Linh	19/05/2005	KD11E	05					ĐK
8	000247	1101020169	Đinh Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	05		6,0	216	Loan	
9	000248	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	05		9,5	217	Ly	
10	000249	1101030618	Vương Thị Diệu	Ly	11/12/2005	KD11E	05		7,5	218	Ly	
11	000250	1101020182	Đỗ Ngọc	Mai	17/08/2005	KD11E	05		8,5	219	Mai	
12	000251	1101020995	Khổng Xuân	Mơ	10/05/2005	KD11E	05		7,0	221	Mơ	
✓ 13	000252	1101021291	Nguyễn Thị	Nga	05/02/2004	KD11E	05		9,5	222	Nga	
14	000253	1101021132	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/01/2005	KD11E	05		6,0	222	Nga	
15	000254	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	05		9,5	224	Ngọc	
16	000255	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	05		6,0	223	Ngọc	
17	000256	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyên	09/02/2005	KD11E	05		8,0	225	Nguyên	
18	000257	1101020218	Nguyễn Thị Yến	Nhi	26/10/2005	KD11E	05		8,0	226	Nhi	
19	000258	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	05		7,0	227	Nhung	
20	000259	1101020249	Đỗ Thị Như	Quỳnh	22/04/2005	KD11E	05		9,0	228	Quỳnh	
21	000260	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	05		9,5	230	Quỳnh	
22	000261	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	05		miền	229	Thanh	
23	000262	1101020264	Nguyễn Phương	Thảo	11/10/2005	KD11E	05		8,5	231	Thảo	
24	000263	1101020268	Nguyễn Vi	Thảo	10/01/2005	KD11E	05		8,5	232	Thảo	
25	000264	1101020275	Lương Anh	Thư	01/07/2005	KD11E	05		6,0	234	Thư	
26	000265	1101020282	Nông Hạ	Thương	06/11/2005	KD11E	05		8,0	235	Thương	
27	000266	1101021046	Nguyễn Thủy	Tiên	11/11/2005	KD11E	05		9,5	236	Tiên	
28	000267	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	05		6,5	237	Trang	
29	000268	1101020308	Nguyễn Thủy	Trang	14/08/2005	KD11E	05		miền	238	Trang	
30	000269	1101021335	Lê Minh	Tú	22/10/2004	KD11E	05		9,0	239	Tú	

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Cẩm Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Hướng dẫn kê khai thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000270	1101020316	Phạm Minh	Tuấn	08/09/2005	KD11E	05		8,5	130	Tuấn	
2	000271	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	05		9,5	131	Vân	
3	000272	1101020325	Đỗ Quốc	Vương	24/09/2005	KD11E	05		5,0	132	Vương	
4	000273	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	05		5,0	133	Vy	
5	000274	1101020011	Đỗ Văn	Anh	06/10/2005	KD11G	06		6,0	134	Anh	
6	000275	1101020017	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	18/08/2005	KD11G	06		miễn	135	Anh	
7	000276	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	06			133		HP,ĐK
8	000277	1101020028	Phạm Phương	Anh	01/08/2005	KD11G	06		5,0	136	Anh	
9	000278	1101020487	Phùng Thùy	Anh	15/02/2005	KD11G	06		6,0	144	Thùy	
10	000279	1101020777	Trần Thị Phương	Anh	28/07/2005	KD11G	06		8,5	143	Ph	
11	000280	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	06		miễn	142	Bình	
12	000281	1101020932	Đinh Thị	Châm	25/11/2005	KD11G	06		8,0	247	Châm	
13	000282	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	06		6,0	249	Đạt	
14	000283	1101020062	Đỗ Thị Hồng	Doan	08/12/2005	KD11G	06		8,0	241	Doan	
15	000284	1101020063	Lại Quảng	Đông	04/08/2005	KD11G	06		miễn	137	Đông	
16	000285	1101020068	Nguyễn Tài	Dương	14/11/2005	KD11G	06		7,0	138	Dương	
17	000286	1101020943	Đỗ Thị Hồng	Duyên	22/02/2005	KD11G	06		miễn	141	Duyên	
18	000287	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	06		7,0	245	Giang	
19	000288	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	06		miễn	145	Hà	
20	000289	1101020085	Phùng Hải	Hà	22/06/2005	KD11G	06		8,5	146	Hà	
21	000290	1101020091	Lê Thị	Hằng	13/05/2005	KD11G	06		6,0	147	Hằng	
22	000291	1101021334	Đinh Thu	Hiền	30/07/2005	KD11G	06		7,0	148	Hiền	
23	000292	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD11G	06		9,0	159	Hiếu	
24	000293	1101020109	Tô Ánh	Hồng	09/09/2005	KD11G	06		7,5	140	Hồng	
25	000294	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	06		8,0	244	Huy	
26	000295	1101020123	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/07/2005	KD11G	06		7,0	149	Huyền	
27	000296	1101020130	Phạm Thị	Khánh	01/11/2005	KD11G	06		9,5	243	Khánh	
28	000297	1101020977	Trần Trung	Kiên	22/02/2005	KD11G	06		miễn	242	Kiên	
29	000298	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	06		7,0	248	Lan	
30	000299	1101020139	Hoàng Thị	Lệ	21/01/2005	KD11G	06		9,5	246	Lệ	

Tổng số sinh viên dự thi: *29*.....

Tổng số tờ giấy thi: *29*.....

Tổng số biên bản: *0*.....

Ngày *31*... tháng *12* Năm *2025*

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Bùi Thị Yên *Đặng Thị Nhung*



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Hướng dẫn kê khai thuế

Ngày *Số máy*

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000300	1101020150	Lưu Thùy	Linh	02/01/2005	KD11G	06		9,5	132	Linh	01
2	000301	1101020166	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	12/08/2005	KD11G	06		8,5	131	Linh	03
3	000302	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	06		7,0	246	Linh	08
4	000303	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	06		9,0	241	Loan	40
5	000304	1101020172	Phạm Thị	Loan	05/02/2005	KD11G	06		10,0	133	Loan	02
6	000305	1101020197	Phạm Thị	Nga	01/02/2003	KD11G	06		Mười	136	Nga	08
7	000306	1101021333	Nguyễn Hoàn	Ngọc	07/08/2005	KD11G	06		8,5	130	Ngọc	04
8	000307	1101020207	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/11/2005	KD11G	06		Mười	243	Ngọc	39
9	000308	1101020212	Bùi Thị	Nguyệt	06/07/2005	KD11G	06		8,0	245	Nguyệt	10
10	000309	1101020221	Phạm Yến	Nhi	09/08/2005	KD11G	06		9,0	135	Nhi	06
11	000310	1101020658	Lương Tâm	Như	12/09/2004	KD11G	06		9,5	137	Như	07
12	000311	1101021019	Trần Hồng	Nhung	30/11/2005	KD11G	06		9,5	146	Nhung	26
13	000312	1101020229	Nguyễn Thị	Oanh	16/10/2005	KD11G	06		Mười	139	Oanh	14
14	000313	1101020236	Lý Thu	Phuong	28/07/2005	KD11G	06		7,0	138	Thu	15
15	000314	1101021025	Vương Thị	Phuong	30/06/2005	KD11G	06		Mười	140	Phu	13
16	000315	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	06		8,5	141	Quỳnh	12
17	000316	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	06		9,0	142	Thanh	11
18	000317	1101020894	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2005	KD11G	06		8,0	134	Thành	09
19	000318	1101020265	Nguyễn Phương	Thảo	27/07/2005	KD11G	06		8,0	149	Thảo	20
20	000319	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	06		6,0	242	Thư	33
21	000320	1101020364	Lê Tô	Trang	12/09/2005	KD11G	06		Mười	249	Trang	21
22	000321	1101020297	Lục Hà	Trang	11/03/2005	KD11G	06		Mười	148	Trang	24
23	000322	1101020304	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	KD11G	06		9,0	247	Trang	23
24	000323	1101021057	Nguyễn Thùy	Trang	28/10/2005	KD11G	06		9,0	248	Trang	22
25	000324	1101021062	Lê Minh	Tuân	09/04/2005	KD11G	06		9,0	144	Tuân	17
26	000325	1101020313	Đinh Lê Anh	Tuân	17/09/2005	KD11G	06		8,0	143	Tuân	18
27	000326	1101020321	Hoàng Thị Thanh	Vân	15/10/2005	KD11G	06		Mười	250	Vân	28
28	000327	1101020328	Phạm Thanh	Xuân	22/09/2005	KD11G	06		6,5	147	Xuân	27
29	000328	1101020330	Đỗ Ngọc	Yên	01/10/2005	KD11G	06		9,0	244	Yên	38
30	000329	1101020332	Đỗ Hải	Yên	23/08/2005	KD11G	06		7,5	145	Yên	34

Tổng số sinh viên dự thi:.....30.

Tổng số tờ giấy thi:.....30.

Tổng số biên bản:.....

Ngày 2... tháng 12. Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Liên

Nguyễn Thị Ngọc



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Hướng dẫn kê khai thuế

Mã đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000330	1101060914	Hoàng Thị Minh	Anh	04/04/2005	KA11A	07		9,0	133	Anh	
2	000331	1101060336	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/10/2005	KA11A	07		6,0	246	Anh	
3	000332	1101060337	Hoàng Minh	Châu	27/10/2005	KA11A	07		5,0	132	Châu	
4	000333	1101060048	Phạm Phương	Chi	09/11/2005	KA11A	07		8,0	146	Chi	
5	000334	1101060338	Phạm Ngọc	Đại	09/03/2005	KA11A	07		9,0	247	Đại	
6	000335	1101060339	Nguyễn Thị Hồng	Đào	20/11/2005	KA11A	07		8,0	145	Đào	
7	000336	1101061075	Phùng Xuân Tấn	Dũng	15/02/2005	KA11A	07		9,0	130	Dũng	
8	000337	1101061077	Trần Khánh	Duy	10/07/2005	KA11A	07		5,5	119	Duy	
9	000338	1101060345	Vũ Thị Thu	Hiền	06/06/2005	KA11A	07		8,5	243	Hiền	
10	000339	1101060347	Nguyễn Hữu	Hoàng	21/06/2005	KA11A	07		8,0	244	Hoàng	
11	000340	1001060362	Trịnh Thiên	Hương	01/09/2004	KA11A	07		mười	142	Hương	
12	000341	1101060350	Đỗ Thị	Lan	06/09/2005	KA11A	07		9,5	136	Lan	
13	000342	1101060351	Quyền Hồng	Lụa	03/11/2005	KA11A	07		9,0	248	Lụa	
14	000343	1101061079	Đỗ Tuấn	Mạnh	01/05/2005	KA11A	07		9,0	249	Mạnh	
15	000344	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	07					ĐK
16	000345	1101061081	Nguyễn Bùi Bảo	Ngọc	22/12/2005	KA11A	07		4,0	144	Ngọc	
17	000346	1101060358	Chu Thanh	Thảo	24/01/2005	KA11A	07		9,5	135	Thảo	
18	000347	1101060359	Nguyễn Thị	Thảo	13/08/2005	KA11A	07		mười	242	Thảo	
19	000348	1101060361	Bùi Thị Phương	Thùy	15/10/2005	KA11A	07		9,5	137	Thùy	
20	000349	1101061043	Hoàng Thị Phương	Thùy	08/05/2005	KA11A	07		9,0	131	Thùy	
21	000350	1101060363	Lê Thu	Trang	14/11/2005	KA11A	07		9,5	241	Trang	
22	000351	1101061350	Tạ Thị Minh	Trang	12/08/2005	KA11A	07		9,0	245	Trang	
23	000352	1101060907	Lê Quang	Tú	09/04/2005	KA11A	07		8,0	250	Tú	
24	000353	1101060367	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	12/02/2005	KA11A	07		8,0	134	Tuấn	
25	000354	0901060550	Ngô Hồng	Triệu	06/06/2003	KA9A	07		5,0	148	Triệu	
26	000355	0901030105	Bùi Minh	Nghĩa	23/12/2003	KD10C	07		9,0	147	Nghĩa	
27	000356	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	07		mười	143	Hà	
28	000357	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	07					ĐK
29	000358	0901010763	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	TC9A	07					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 29.....

Tổng số tờ giấy thi: 29.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 31... tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Quỳnh Anh

Ngô T Cẩm Nhung